

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3448/QĐ-UBND**

Lào Cai, ngày **31** tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v ban hành đơn giá dịch vụ đào tạo, huấn luyện vận động viên thành tích cao sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;*

*Căn cứ Luật Quản lý sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; Nghị định 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;*

*Căn cứ Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19/2/2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 204/NĐ-CP ngày 19/2/2013 về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 56/2013/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;*

*Căn cứ Thông tư 86/2020/TT-BTC ngày 26/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với HLV thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao;*

*Căn cứ Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về việc Quy định nội dung, mức chi đối với HLV, VĐV thể thao và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Lào Cai*

*Căn cứ Quyết định số 1458/QĐ - UBND ngày 18/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về phê duyệt danh mục dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh Lào Cai;*

*Căn cứ Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ đào tạo vận động viên và tổ chức các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Lào Cai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tại Tờ trình số 210/TTr-SVH&TT ngày 26/12/2023.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành đơn giá dịch vụ đào tạo, huấn luyện vận động viên thành tích cao sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:

1. Đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước gồm:

1.1. Đơn giá đào tạo 01 (một) vận động viên đội tuyển cấp tỉnh: 414.000 đồng/vận động viên/ngày (chưa bao gồm thuế VAT).

1.2. Đơn giá đào tạo 01 (một) vận động viên đội tuyển trẻ cấp tỉnh: 324.000 đồng/vận động viên/ngày (chưa bao gồm thuế VAT);

1.3. Đơn giá đào tạo 01 (một) vận động viên đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh: 271.000 đồng/vận động viên/ngày (chưa bao gồm thuế VAT).

*(Chi tiết các đơn giá theo phụ biểu kèm theo)*

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện.

1. Căn cứ đơn giá phê duyệt tại Điều 1, Sở Văn hóa và Thể thao lập dự toán chi tiết, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để tổ chức đặt hàng dịch vụ đào tạo, huấn luyện vận động viên thành tích cao sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định; tổ chức nghiệm thu, xác định khối lượng, giá trị thực hiện để thanh, quyết toán tiền cung cấp dịch vụ theo quy định.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp Nhà nước thay đổi mức lương cơ sở thì chi phí nhân công trong đơn giá được điều chỉnh như sau:

Chi phí nhân công điều chỉnh = Chi phí nhân công đã tính trong đơn giá x Hệ số k

Trong đó:

$$k = \frac{\text{Lương cơ sở mới}}{1.800.000 \text{ đồng}}$$

\* Các trường hợp thay đổi hệ số điều chỉnh tiền lương, tiền dinh dưỡng huấn luyện viên, vận động viên, phụ cấp khu vực, phụ cấp độc hại,... việc điều chỉnh đơn giá theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc: Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2024 và thay thế Quyết định số 2573/QĐ-UBND ngày 07/8/2020 của UBND tỉnh Lào Cai, về việc ban hành đơn giá tạm thời để đặt hàng dịch vụ đào tạo, huấn luyện vận động viên thành tích cao sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT UBND tỉnh;
- TT Huấn luyện và Thi đấu TDTT tỉnh;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu: VT, TH1

*File*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Giảng Thị Dung**



**PHỤ LỤC 01: ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN VÀN ĐỘNG VIÊN THÀNH TÍCH CAO**

(Kèm theo Quyết định số: 3448 / QĐ-UBND ngày 31/12/2023 của UBND tỉnh Lào Cai)

TT	Dịch vụ	ĐVT	Số lượng VBV (người)	Số lượng HLV (người)	Thời gian đào tạo (ngày)	Tổng Đơn giá làm tròn	Tổng đơn giá	Chi phí trực tiếp					Chi phí chung		Lợi nhuận dự kiến
								Chi phí trực tiếp NVL, CC, DC, nhiên liệu, năng lượng, Bảo hiểm tai nạn học sinh, Bảo hiểm y tế, chế độ dinh dưỡng HLV, VBV, VDV, HLV đi tập huấn	Chi phí nhân công trực tiếp	Chi phí sản xuất kinh doanh	Chi phí nhân viên quản lý	Chi phí quản lý chung khác			
1	Đơn giá Dịch vụ đào tạo 01 vận động viên đội tuyển cấp tỉnh	Đồng VBV/ngày	30	10	354	414.000	414.436	330.716	45.128	6.718	13.814	5.989	12.071		
2	Đơn giá Dịch vụ đào tạo 01 vận động viên đội tuyển trẻ cấp tỉnh	Đồng VDV/ngày	75	13	354	324.000	323.866	242.784	45.128	6.718	13.814	5.989	9.433		
3	Đơn giá Dịch vụ đào tạo 01 vận động viên đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh	Đồng VDV/ngày	135	7	302	271.000	271.473	191.917	45.128	6.718	13.814	5.989	7.907		

